

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005; Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh Nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bê tông Becamex được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 27/05/2008 và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 sửa đổi, bổ sung lần thứ 3 ngày 23/04/2012;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01/2013/BB-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2013.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2012, kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2013.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2012.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2012, cụ thể như sau:

4.1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) với các chỉ tiêu chính:

▪ Tổng doanh thu:	381.420.087.932 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	65.626.021.677 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	61.402.585.081 đồng
▪ Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	6.140 đồng/cổ phiếu

4.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2012:

Lợi nhuận năm 2011 chuyển sang	11.176.818.414 đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	61.402.585.081 đồng

Phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển (tỷ lệ 10% LNST):	6.140.258.508 đồng
▪ Trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (tỷ lệ 5% LNST):	3.070.129.254 đồng
▪ Trích lập quỹ dự phòng tài chính (tỷ lệ 5% LNST):	3.070.129.254 đồng
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (tỷ lệ 10% LNST):	6.140.258.508 đồng
▪ Trích thưởng Ban điều hành (tỷ lệ 0,5% LNST):	307.012.925 đồng
▪ Chi trả cổ tức cho cổ đông (40%/Vốn điều lệ):	40.000.000.000 đồng
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2013:	13.851.615.045 đồng

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

Điều 5: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013, cụ thể như sau:

5.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013:

▪ Tổng doanh thu:	385.117.798.819 đồng
▪ Tổng lợi nhuận trước thuế:	63.755.696.073 đồng
▪ Lợi nhuận sau thuế:	57.550.748.220 đồng
▪ Lãi cơ bản trên cổ phiếu:	5.755 đồng/cổ phiếu

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013:

▪ Trích lập quỹ đầu tư phát triển:	10%/LNST
▪ Trích lập quỹ dự phòng tài chính:	5%/LNST
▪ Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi:	10%/LNST
▪ Trích thưởng Ban điều hành (nếu Công ty đạt lợi nhuận vượt kế hoạch):	0,5%/LNST
Số tiền trích thưởng Ban điều hành không được vượt quá 500.000.000 đồng	
▪ Tỷ lệ chi trả cổ tức:	≥ 25%/Vốn điều lệ

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

Điều 6: Thông qua thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Thư ký HĐQT năm 2013:

Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban thư ký HĐQT năm 2013 là 1%/Lợi nhuận sau thuế và được chi trả 1 lần sau khi báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

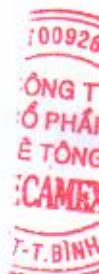
Căn cứ vào số trích thực tế, Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức chi trả cho từng thành viên.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013:

Dại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 nằm trong danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập được UBCKNN cho phép kiểm toán trong lĩnh vực chứng khoán.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.



Điều 8: Thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2013-2018).

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2013-2018) gồm các Ông/Bà:

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ số phiếu bầu
01	Nguyễn Văn Thanh Huy	8,379,270	99,68%
02	Quảng Văn Viết Cường	8,376,270	99,64%
03	Nguyễn Danh Tùng	8,457,970	100,61%
04	Trương Đức Hùng	8,378,220	99,66%
05	Huỳnh Vĩnh Thành	8,376,220	99,64%

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Văn Thanh Huy.

Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2013-2018) gồm các Ông/Bà:

STT	Họ và Tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ số phiếu bầu
01	Châu Thị Vân	8,389,690	99,81%
02	Nguyễn Thị Thanh Nhân	8,438,720	100,39%
03	Ngô Thị Minh Loan	8,389,670	99,81%

Trưởng Ban kiểm soát: Bà Châu Thị Vân.

Điều 9: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Bê tông Becamex (Đính kèm Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Bê tông Becamex) và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo đúng quy định.

Với tỷ lệ biểu quyết: - Tán thành 100%.

Điều 10: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đúng pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Bê tông Becamex.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Bê tông Becamex thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- CBTT: UBCKNN, Sở GD&ĐT TP.HCM;
- Website: www.becamex.com.vn
- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc;
- Lưu văn phòng.

TM CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN THANH HUY

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

STT	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ
1	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Đường N7, KCN Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, thời hạn hoạt động của Công ty Trụ sở đăng ký của Công ty là: Địa chỉ: Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương
2	Khoản 2 Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được <i>Hội đồng quản trị phê chuẩn.</i>	Khoản 2 Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được <i>Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i>
3	Khoản 6 Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. <i>Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua.</i> Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, <i>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</i>	Khoản 6 Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <i>trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</i>

Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp **chứng chỉ hoặc chứng nhận** cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 0.

2. **Chứng chỉ** cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. **Chứng chỉ** cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (**nếu là cổ phiếu ghi danh**) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. **Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.**

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp **chứng chỉ** cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty **chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.**

4. Trường hợp **chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.**

5. Trường hợp **chứng chỉ cổ phiếu ghi danh** bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, **người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó** có thể yêu cầu được cấp **chứng chỉ** cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. **Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.**

Điều 6: Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp **chứng nhận** cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. **Chứng nhận** cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. **Chứng nhận** cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp **chứng nhận** cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty **chi phí in chứng nhận cổ phiếu.**

4. Trường hợp **chứng nhận cổ phiếu** bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, **người sở hữu cổ phiếu đó** có thể yêu cầu được cấp **chứng nhận** cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

	7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	
5	Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên <i>Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán</i> sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của <i>Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán</i>. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và <i>hưởng cổ tức</i>.	Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và <i>hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán</i>.
6	Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý	Điều 10: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát
7	Điều 11: Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. <i>Tham gia</i> các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp	Điều 11: Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. <i>Tham dự và phát biểu</i> trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội

hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; b. Nhận cổ tức; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; Được chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần nếu không đủ khả năng mua hết cổ phần mà cổ đông được quyền mua. e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36;	đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; c. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. <i>(Các quyền đối với các loại cổ phần khác.)</i> 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này;
---	---

	b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông. d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát. e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
8		Bổ sung Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
9	Khoản 2 Điều 13: Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Khoản 2 Điều 13: Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.
10	Điểm b Khoản 3 Điều 13: HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa.	Điểm b Khoản 3 Điều 13: HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.

11	Điểm d Khoản 3 Điều 13: HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại 0.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, <i>có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).</i>	Điểm d Khoản 3 Điều 13: HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, <i>có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.</i>
12	Khoản 2 Điều 14: Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định <i>bằng văn bản</i> về các vấn đề sau:	Khoản 2 Điều 14: Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
13	Điểm b Khoản 3 Điều 14: Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.	Điểm b Khoản 3 Điều 14: Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, <i>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</i>
14	Khoản 1 và Khoản 2 Điều 16: Thay đổi các quyền 1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ <i>ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</i> 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ	Khoản 1 và Khoản 2 Điều 16: Thay đổi các quyền 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ <i>ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</i> 2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành.

	phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và <i>mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.</i>	Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. <i>Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</i>
15	Khoản 4 Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, <i>trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì.</i> Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, <i>Phó Chủ tịch</i> hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	Khoản 4 Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. <i>Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp.</i> Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. <i>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</i>
16	Điểm a Khoản 10 Điều 19: HĐQT sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để: <i>Điều chỉnh số người có mặt</i> tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.	Điểm a Khoản 10 Điều 19: HĐQT sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để: <i>Bổ trí chỗ ngồi</i> tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

17	Khoản 2, Khoản 7 và Khoản 9 Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. 7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 2, Khoản 7 và Khoản 9 Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. <i>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</i> 7. <i>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ</i> và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <i>phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</i> và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
18	Điều 22: Biên bản họp ĐHĐCĐ Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.	Điều 22: Biên bản họp ĐHĐCĐ Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông <i>phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ</i> và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.
19	Khoản 2 Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Khoản 2 Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <i>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định</i>

		<i>của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</i>
20	Khoản 1 Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị	Khoản 1 Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. <i>Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i> <i>Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.</i>
21		Bãi bỏ Khoản 2 Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
22	Khoản 3 Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số	Khoản 3 Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền

	quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</i>	biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</i>
23	Khoản 6 Điều 24: bổ nhiệm thành viên HĐQT mới thay thế chỗ trống phát sinh Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	Khoản 6 Điều 24: bổ nhiệm thành viên HĐQT mới thay thế chỗ trống phát sinh Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. <i>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</i>
24	Điểm h Khoản 3 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.	Điểm h Khoản 3 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi <i>trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.</i>

25		Bổ sung vào Khoản 3 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
26	Điểm g Khoản 4 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.	Điểm g Khoản 4 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Việc mua hoặc bán cổ phần, <i>phần vốn góp</i> tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.
27		Bổ sung vào Khoản 4 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
28	Khoản 8 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	Khoản 8 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
29	Khoản 9, Khoản 10 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch <i>hoặc Phó Chủ tịch</i>), <i>hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị</i>, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện	Khoản 9, Khoản 10 Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (<i>bao gồm cả chức vụ Chủ tịch</i>) hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

	trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
30	Điều 26: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐQT 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	Điều 26. Chủ tịch HĐQT 1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

	Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
31		Bãi bỏ Điều 27: Thành viên HĐQT thay thế
32	Khoản 2 Điều 28: Các cuộc họp của HĐQT Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.	Khoản 2 Điều 28: Các cuộc họp của HĐQT Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.
33	Khoản 3 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Hai thành viên Hội đồng quản trị; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị; d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.	Khoản 3 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát.

34	Khoản 8 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.	Khoản 8 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). <i>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i>
35	Khoản 13 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây: - Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị; - Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.	Khoản 13 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
36	Khoản 14 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và <i>phải có chữ ký của tất cả các thành</i>	Khoản 14 Điều 28: Các cuộc họp HĐQT Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và <i>phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều</i>

	<i>viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</i>	<i>bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</i>
37	Khoản 2 Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.	Khoản 2 Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.
38	Điểm e Khoản 3 Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.	Điểm e Khoản 3 Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
39	Điểm h Khoản 3 Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến)	Điểm h Khoản 3 Điều 31: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến)

40	Khoản 5 Điều 31: Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ <i>hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành</i> (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.	Khoản 5 Điều 31: Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi <i>đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành</i> và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.
41	Điều 32: Thư ký Công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: - Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; - Làm biên bản các cuộc họp; - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Điều 32: Thư ký Công ty Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: - Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. <i>Tham dự các cuộc họp.</i> <i>Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.</i> - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

42	Điều 33: Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Điều 33: Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên Ban kiểm soát</i>, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
43	Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích c. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. <i>Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</i> 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc... 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc... Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi 1. Thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên Ban kiểm soát</i>, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích 2. Thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên Ban kiểm soát</i>, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên Ban kiểm soát</i>, Tổng giám đốc... 4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên Ban kiểm soát</i>, Tổng giám đốc... Thành viên Hội đồng quản trị, <i>thành viên Ban kiểm soát</i>, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

44	Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 36: Thành viên BKS 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát <i>phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán.</i> Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. <i>Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban.....</i> 2. Cổ đông nắm giữ <i>ít hơn 10%</i> cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</i> 3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông <i>bổ nhiệm</i>, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 36: Thành viên BKS 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát <i>phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</i> Thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. <i>Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán....</i> 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</i> 3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông <i>bầu</i>, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
----	---	--

45		Bổ sung vào Điều 36: Thành viên Ban kiểm soát Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
46	Chương XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN Khoản 1, Khoản 5 và Khoản 7 Điều 40: Cổ tức 1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng <i>không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</i> 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và <i>có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu.</i> Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại <i>Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao</i>	Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN Khoản 1, Khoản 5 và Khoản 7 Điều 40: Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

	dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký. 7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.	7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
47		Bãi bỏ Khoản 6 Điều 40: Phân phối lợi nhuận Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
48		Bãi bỏ Điều 43: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
49	Điều 44: Năm tài khóa	Điều 44: Năm tài chính
50	Điều 45: Hệ thống kế toán	Điều 45: Chế độ kế toán
51	Điều 47: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	Bãi bỏ nội dung Điều 47 và thay thế bằng nội dung: Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

52	Khoản 1 Điều 48: Kiểm toán Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. <i>Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</i>	Khoản 1 Điều 48: Kiểm toán Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập <i>hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo</i> dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
53		Bãi bỏ Điều 51: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông

TM CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN THANH HUY

Số: 01/2013/BBKP-ĐHĐCĐ

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2013



**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX - NHIỆM KỲ II (2013-2018)**

Hôm nay, ngày 25 tháng 04 năm 2013, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex, tổ chức tại Tầng 21 - Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, được sự ủy nhiệm của Đại hội, Tổ bầu cử gồm có:

- | | |
|----------------------------|------------------------|
| 1.- Ông Trần Trung Kiên, | , Tổ trưởng tổ bầu cử; |
| 2.- Ông Nguyễn Khánh Quang | , thành viên; |
| 3.- Ông Vương Phúc Thịnh | , thành viên; |

Đã tiến hành kiểm tra phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông Becamex nhiệm kỳ II (2013 - 2018) của các cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty với kết quả như sau :

Tổng số cổ đông của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex, theo danh sách cổ đông được chốt ngày 29/03/2013 là **436** cổ đông; là người sở hữu và đại diện cho **10,000,000** cổ phần;

Số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền: **153** cổ đông, đại diện số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền là **8,469,348** cổ phần; tương ứng với tổng số phiếu bầu là **42,346,740**

Số phiếu được phát ra : **153** phiếu; tương ứng với số phiếu bầu là **42,346,740**

Số phiếu thu hồi được : **142** phiếu; tương ứng với số phiếu bầu là **42,032,625**

Số phiếu hợp lệ : **139** phiếu; tương ứng với số phiếu bầu là **41,967,925**

Số phiếu không hợp lệ: **3** phiếu, tương ứng với số phiếu bầu là **64,700**

Số phiếu trắng: **0** phiếu, tương ứng với số phiếu bầu là

Danh sách những người được đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bê tông Becamex - Nhiệm kỳ II (2013 - 2018) đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua gồm :

- 1).- Ông Nguyễn Văn Thanh Huy
- 2).- Ông Quảng Văn Viết Cương
- 3).- Ông Nguyễn Danh Tùng
- 4).- Ông Trương Đức Hùng
- 5).- Ông Huỳnh Vĩnh Thành

Kết quả kiểm phiếu như sau :



STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ số phiếu bầu
1	Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	8,379,270	99.68%
2	Ông Quảng Văn Viết Cương	8,376,270	99.64%
3	Ông Nguyễn Danh Tùng	8,457,970	100.61%
4	Ông Trương Đức Hùng	8,378,220	99.66%
5	Ông Huỳnh Vĩnh Thành	8,376,220	99.64%

Căn cứ thể lệ bầu cử đã được công bố và kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử xin công bố kết quả bầu cử các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bê tông Becamex nhiệm kỳ II (2013 - 2018) như sau: (xếp theo số phiếu được bầu từ cao xuống thấp) :

STT	Họ và tên ứng cử viên	Kết quả
1	Ông Nguyễn Danh Tùng	Trúng cử
2	Ông Nguyễn Văn Thanh Huy	Trúng cử
3	Ông Trương Đức Hùng	Trúng cử
4	Ông Quảng Văn Viết Cương	Trúng cử
5	Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trúng cử

Với kết quả nêu trên, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bê tông Becamex nhiệm kỳ II (2013 - 2018) gồm các Ông/Bà có tên dưới đây:

1. Ông Nguyễn Danh Tùng
2. Ông Nguyễn Văn Thanh Huy
3. Ông Trương Đức Hùng
4. Ông Quảng Văn Viết Cương
5. Ông Huỳnh Vĩnh Thành

Biên bản này được lập xong vào lúc 11 giờ 20' cùng ngày và đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ BẦU CỬ

1. Ông Vương Phúc Thịnh Thành viên

Chữ ký



2. Ông Nguyễn Khánh Quang Thành Viên



3. Ông Trần Trung Kiên Tổ trưởng



ĐD. BAN KIỂM SOÁT



Trịnh Thị Ngân

Số: 02/2013/BBKP-ĐHĐCĐ

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2013

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
TỔ BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX - NHIỆM KỲ II (2013-2018)**

Hôm nay, ngày 25 tháng 04 năm 2013, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex, tổ chức tại Tầng 21 - Tòa nhà Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, được sự ủy nhiệm của Đại hội, Tổ bầu cử gồm có:

- | | |
|----------------------------|------------------------|
| 1.- Ông Trần Trung Kiên | , Tổ trưởng tổ bầu cử; |
| 2.- Ông Nguyễn Khánh Quang | , thành viên; |
| 3.- Ông Vương Phúc Thịnh | , thành viên; |

Đã tiến hành kiểm tra phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex nhiệm kỳ II (2013 - 2018) của các cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty với kết quả như sau :

Tổng số cổ đông của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex, theo danh sách cổ đông được chốt ngày 29/03/2013 là **436** cổ đông; là người sở hữu và đại diện cho **10,000,000** cổ phần;

Số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền: **153** cổ đông, đại diện số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền là **8,469,348** cổ phần; tương ứng với tổng số phiếu bầu là **25,408,044**

Số phiếu được phát ra : **153** phiếu; tương ứng với số phiếu bầu là **25,408,044**

Số phiếu thu hồi được : **140** phiếu; tương ứng với số phiếu bầu là **25,218,075**

Số phiếu hợp lệ : **140** phiếu; tương ứng với số phiếu bầu là **25,218,075**

Số phiếu không hợp lệ: **0** phiếu, tương ứng với số phiếu bầu là

Số phiếu trắng: **0** phiếu, tương ứng với số phiếu bầu là

Danh sách những người được đề cử làm thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex - nhiệm kỳ II (2013 - 2018) đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua gồm :

- 1).- Bà **Châu Thị Vân**
- 2).- Bà **Nguyễn Thị Thanh Nhân**
- 3).- Bà **Ngô Thị Minh Loan**

Kết quả kiểm phiếu như sau :

STT	Họ và tên ứng cử viên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ số phiếu bầu
1	Bà Châu Thị Vân	8,389,690	99.81%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	8,438,720	100.39%
3	Bà Ngô Thị Minh Loan	8,389,670	99.81%

Căn cứ thể lệ bầu cử đã được công bố và kết quả kiểm phiếu, Tổ bầu cử xin công bố kết quả bầu cử các thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex - nhiệm kỳ II (2013 - 2018) như sau: (xếp theo số phiếu được bầu từ cao xuống thấp) :

STT	Họ và tên ứng cử viên	Kết quả
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Trúng cử
2	Bà Châu Thị Vân	Trúng cử
3	Bà Ngô Thị Minh Loan	Trúng cử

Với kết quả nêu trên, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bê tông Becamex - nhiệm kỳ II (2013 - 2018) gồm các Ông/Bà có tên dưới đây:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân
2. Bà Châu Thị Vân
3. Bà Ngô Thị Minh Loan

Biên bản này được lập xong vào lúc M... giờ 20' cùng ngày và đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN TỔ BẦU CỬ

- | | |
|---------------------------|------------|
| 1. Ông Vương Phúc Thịnh | Thành viên |
| 2. Ông Nguyễn Khánh Quang | Thành Viên |
| 3. Ông Trần Trung Kiên | Tổ trưởng |

Chữ ký







ĐD. BAN KIỂM SOÁT



Bình Nghi Ngân

